|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  |

|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO****BẮC NINH****¯¯¯¯¯¯¯¯¯** | **ĐỀ ÔN TẬP SỐ** **KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2023****Môn: LỊCH SỬ****Thời gian làm bài: 50 phút****¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯** |

**\* Giáo viên ra đề:** Nguyễn Thị Thủy**Đơn vị công tác:** Trường THPT Yên Phong số 2**\* Giáo viên thẩm định:** Nguyễn Thị Sàng**Đơn vị công tác:** Trường THPT Từ Sơn |

**Câu 1:** Trong giai đoạn 1961-1965, Mĩ có hành động nào sau đây ở Việt Nam?

A. Lôi kéo tất cả các nước châu Âu tham chiến.

B. Dồn dân lập “ấp chiến lược”.

C. Rút dần lực lượng quân Pháp khỏi miền Nam.

D. Lôi kéo tất cả các nước châu Phi tham chiến.

**Câu 2**: Năm 1941**,** Nguyễn Ái Quốc về nước chọn Cao Bằng làm nơi xây dựng

A. Khu giải phóng Việt Bắc. B. trung tâm chỉ đạo kháng chiến.

C. căn cứ địa cách mạng. D. sở chỉ huy chiến dịch.

**Câu 3:** Trong nội dung đường lối đổi mới (năm 1986), Đảng ta thực hiện chính sách đối ngoại

A. hòa bình, hữu nghị, hợp tác. B. trung lập, hữu nghị, hợp tác.

C. liên minh chặt chẽ với Mĩ. D. liên minh chặt chẽ với các nước ASEAN.

**Câu 4:** Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, lực lượng Đồng minh nào vào Việt Nam giải giáp quân đội Nhật ở phía Nam vĩ tuyến 16?

 A. Quân Mĩ. B. Quân Pháp.

 C. Quân Anh. D. Quân Trung Hoa Dân quốc.

**Câu 5:** Đầu thập niên 70 của thế kỉ XX, quốc gia nào sau đây có nền kinh tế đứng thứ ba trong thế giới tư bản?

A. Cộng hòa Liên bang Đức. B. Xuđăng. C. Angiêri. D. Tuynidi.

**Câu 6:** Sự ra đời của tổ chức nào sau đây là biểu hiện của xu thế toàn cầu hoá (diễn ra từ đầu những năm 80 của thế kỉ XX)?

A. Hiệp ước Thương mại tự do Bắc Mĩ (NAFTA).

B. Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV).

C. Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO).

D. Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu (EAEC).

**Câu 7:** Để giải quyết nạn mù chữ, tháng 9 - 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát động và kêu gọi nhân dân tham gia phong trào

A. cải cách giáo dục. B. bổ túc văn hóa.

C. Bình dân học vụ. D. thi đua “dạy tốt, học tốt”.

**Câu 8:** Phong trào “Đồng khởi” (1959 - 1960) nổ ra trong hoàn cảnh cách mạng miền Nam Việt Nam đang

A. giữ vững và phát triển lực lượng. B. chịu nhiều tổn thất nặng nề.

C. chuyển dần sang đấu tranh vũ trang. D. khởi nghĩa từng phần.

**Câu 9:** Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” (1969-1973) của Mĩ ở miền Nam Việt Nam được tiến hành bằng lực lượng chủ yếu là

A. quân đội Sài Gòn*.* B. quân đội Mĩ. C. quân đồng minh của Mĩ. D. cố vấn Mĩ.

**Câu 10:** Trong những năm 1965-1968, Mĩ thực hiện chiến lược chiến tranh nào ở miền Nam Việt Nam?

A. Chiến tranh đơn phương. B. Việt Nam hóa chiến tranh.

C. Chiến tranh cục bộ.  D. Đông Dương hóa chiến tranh.

**Câu 11:** Phong trào đấu tranh chống Pháp cuối thế kỉ XIX, nhân dân Việt Nam đã tham gia

A. phong trào Cần vương. B. khởi nghĩa Yên Bái.

C. đấu tranh nghị trường. D. đấu tranh báo chí.

**Câu 12:** Những năm 1945-1950, nhân dân Ấn Độ đấu tranh chống thực dân

A. Anh. B. Ba Lan. C. Tây Ban Nha. D. Pháp.

**Câu 13:** Khi đọc Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lênin (1920), Nguyễn Ái Quốc đã

A. xác định được những điều kiện ra đời của một chính đảng vô sản.

B. khẳng định được phương hướng đấu tranh giành độc lập dân tộc.

C. giải quyết triệt để tình trạng khủng hoảng về đường lối cứu nước.

D. hoàn chỉnh lý luận giải phóng dân tộc để truyền bá trong nhân dân

**Câu 14:** Sự kiện nào sau đây diễn ra trong thời kì Chiến tranh lạnh (1947-1989)?

A. Khối Đồng minh chống phát xít hình thành.

B. Cách mạng tháng Mười Nga thành công.

C. Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc.

D. Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) ra đời

**Câu 15:** Một trong những nội dung của đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) của Việt Nam có nội dung nào sau đây?

A. Kháng chiến toàn diện. B. Khởi nghĩa từng phần.

C. Củng cố nền quốc phòng toàn dân. D. Xây dựng nền an ninh nhân dân.

**Câu 16:** Tháng 6 - 1912, Phan Bội Châu và những người cùng chí hướng thành lập tổ chức

A. Việt Nam Quang phục hội. B. Hội Duy tân.

C. Việt Nam Quốc dân đảng. D. Tân Việt Cách mạng đảng.

**Câu 17:** Nền tảng chính sách đối ngoại của Nhật Bản từ năm 1951 đến năm 2000 là

A. liên minh chặt chẽ với Mĩ. B. hướng về các nước châu Á.

C. hướng mạnh về Đông Nam Á. D. cải thiện quan hệ với Liên Xô.

**Câu 18:** Trong những năm 1946-1950, nhân dân Liên Xô đã hoàn thành thắng lợi kế hoạch 5 năm

A. khôi phục kinh tế. B. công nghiệp hóa.

C. hiện đại hóa. D. điện khí hóa.

**Câu 19:** Năm 1929, tổ chức cộng sản nào sau đây ra đời ở Việt Nam?

A. Đông Dương Cộng sản liên đoàn. B. Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên.

C. Việt Nam Quốc dân đảng. D. Tân Việt Cách mạng đảng.

**Câu 20:** Sau chiến tranh thế giới thứ hai quốc gia nào ở Châu Phi giành được độc lập ?

A. Braxin. B. Áchentina. C. Môdămbích. D. Mêhicô

**Câu 21:** Cơ quan ngôn luận của Trung ương Đảng được đề ra trong Đại hội Đại biểu lần thứ II (2/1951) là tờ báo

 A. Thanh Niên. B. Nhân Dân. C. Tiền Phong. D. Lao động.

**Câu 22**. Nguyên thủ quốc gia nào sau đây tham dự Hội nghị Ianta (tháng 2-1945)?

A. Nhật Bản. B. Pháp. C. Đức. D. Mĩ

**Câu 23:** Trong giai đoạn (1919-1925) lực lượng xã hội nào **không** tham gia phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam?

A. Tư sản dân tộc. B. Tư sản mại bản.

C. Công nhân. D. Nông dân.

**Câu 24:** Yếu tố nào sau đây quyết định sự phát triển của phong trào giải phóng dân tộc ở các nước châu Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Sự suy yếu của các nước đế quốc chủ nghĩa phương Tây.

B. Ý thức độc lập và sự lớn mạnh của các lực lượng dân tộc.

C. Thắng lợi của phe Đồng minh trong chiến tranh chống phát xít.

 D. Hệ thống xã hội chủ nghĩa hình thành và ngày càng phát triển.

**Câu 25:** Thắng lợi của quân dân Việt Nam đã buộc Mĩ phải tuyên bố “Mĩ hóa” trở lại chiến tranh xâm lược Việt Nam?

A. Cuộc Tiến công chiến lược năm 1972.

B. Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968.

C. Chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950.

D. Chiến dịch Việt Bắc thu – đông năm 1947.

**Câu 26:** Nội dung nào sau đây phản ánh đúng ý nghĩa của cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16?

A. Phá sản hoàn toàn kế hoạch đánh nhanh thắng nhanh của Pháp.

B. Làm phá sản chiến lược chiến tranh cục bộ của Mĩ.

C. Làm lung lay tận gốc chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm.

D. Tạo điều kiện cho cả nước bước vào cuộc kháng chiến lâu dài.

**Câu 27:** Yếu tố nào sau đây **không** phải là một trong những nguyên nhân thúc đẩy kinh tế Mĩ phát triển mạnh mẽ trong giai đoạn 1945-1973?

A. Có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú. B. Chi phí cho quốc phòng thấp.

C. Áp dụng thành tựu khoa học - kĩ thuật. D. Nguồn nhân lực có trình độ cao.

**Câu 28:** Giai đoạn 1930-1945, sự kiện lịch sử thế giới nào sau đây có ảnh hưởng đến cách mạng Việt Nam ?

A. Cộng hòa Ấn Độ được thành lập. B. Tổ chức Hiệp ước Vácsava ra đời.

C. Mĩ phát động cuộc Chiến tranh lạnh. D. Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ.

**Câu 29:** Đâu là một trong những căn cứ để khẳng định Cách mạng tháng Mười Nga (1917) có tính chất là cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa?

A. Xóa bỏ những tàn dư của chế độ phong kiến.

B. Cách mạng do Đảng Bônsêvích và Lênin lãnh đạo.

C. Mục tiêu của cách mạng xóa bỏ chính phủ tư sản lâm thời.

D.Giải phóng các giai cấp bị áp bức trong đế quốc Nga hoàng.

**Câu 30:** Nội dung nào sau đây là điều kiện khách quan bùng nổ cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam?

A. Toàn Đảng, toàn dân đồng lòng, quyết tâm giành độc lập, tự do.

B. Phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh không điều kiện.

C. Đảng đã có sự chuẩn bị đầy đủ về đường lối cách mạng.

D.Lực lượng cách mạng được Đảng chuẩn bị chu đáo qua 15 năm.

**Câu 31**: Điểm khác căn bản trong hoạt động của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (1925 - 1929) với Việt Nam Quốc dân đảng (1927 - 1930) là gì?

A. Chỉ chú trọng vào thực hiện “vô sản hóa”.

B. Chú trọng phát triển lực lượng cách mạng.

C. Tổ chức cho quần chúng đấu tranh vũ trang và giác ngộ lí tưởng cộng sản.

D.Chú trọng vào công tác tuyên truyền lí luận cách mạng trong quần chúng.

**Câu 32:** Từ thực tiễn 30 năm chiến tranh cách mạng Việt Nam (1945-1975) cho thấy Đảng chỉ đạo tiến hành bạo lực cách mạng vì lí do nào ?

A. Có sự giúp đỡ trực tiếp của các nước xã hội chủ nghĩa.

B. Phương pháp đấu tranh hòa bình không còn phù hợp.

C. Các thế lực ngoại xâm bắt đầu câu kết chống phá cách mạng.

D. Lực lượng vũ trang ba thứ quân được xây dựng hoàn chỉnh.

**Câu 33:** Điểm mới của phong trào cách mạng Việt Nam 1930-1931 so với các phong trào yêu nước trước đó ?

A. Có sự lãnh đạo của một tổ chức thống nhất, có đường lối đúng đắn.

B. Xây dựng được một mặt trận thống nhất dân tộc rộng rãi.

C. Xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang ba thứ quân.

D. Thiết lập chính quyền cách mạng trên cả nước do dân bầu ra.

**Câu 34:** Nhận xét nào phản ánh đúng về phong trào công nhân (1928-1929) ở Việt Nam?

 A. Lí luận giải phóng dân tộc được thâm nhập vào giai cấp công nhân.

 B. Đánh dấu phong trào công nhân hoàn toàn trở thành tự giác.

 C. Tạo điều kiện để công nhân phát triển về số lượng và trở thành giai cấp.

 D. Là bước chuẩn bị trực tiếp cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Đông Dương.

**Câu 35:** Trong thời kì 1936-1945 các Nghị quyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương có điểm tương đồng nào?

A. Chủ trương giải quyết vấn đề dân tộc tự quyết.

B. Giải quyết mối quan hệ giữa nhiệm vụ dân tộc và dân chủ.

C. Chủ trương sử dụng bạo lực cách mạng của quần chúng.

D. Xác định nhiệm vụ giải phóng dân tộc phải đặt lên hàng đầu.

**Câu 36:** Nguyễn Ái Quốc đã bước đầu đặt cơ sở cho mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam với phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới khi Người

A. dự Đại hội lần thứ V của Quốc tế Cộng sản.

B. tham gia thành lập Hội Liên hiệp thuộc địa.

C. tham dự Hội nghị Quốc té Nông dân tại Liên Xô.

D.dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XVIII của Đảng Xã hội Pháp.

**Câu 37:** Một trong những điểm khác nhau cơ bản giữa chiến dịch Biên giới thu - đông (1950) so với chiến dịch Việt Bắc thu - đông (1947) của quân dân Việt Nam là

A. tinh thần quyết tâm của dân tộc. B. bối cảnh quốc tế mở chiến dịch.

C. lực lượng tham gia chiến dịch. D. lực lượng chỉ đạo chiến dịch.

**Câu 38:** Từ thực tiễn các phong trào yêu nước, giải phóng dân tộc do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo (1930 - 1945) cho thấy, lực lượng nòng cốt của cách mạng Việt Nam vẫn là

A. tiểu tư sản. B. công nhân. C. nông nhân. D. trí thức.

**Câu 39:** Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954), các chiến dịch quân sự của quân đội nhân dân Việt Nam đều

A. thực hiện mục tiêu bảo vệ thành quả của cách mạng tháng Tám.

B. đánh bại hoàn toàn âm mưu xâm lược của thực dân Pháp.

C. nhận được sự giúp đỡ của các lực lượng tiến bộ trên thế giới.

D**.** có sự kết hợp giữa đấu tranh quân sự với hoạt động ngoại giao.

**Câu 40:** Thực tiễn 30 năm chiến tranh cách mạng (1945 - 1975) của quân dân Việt Nam cho thấy, sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân Việt Nam là

A. toàn dân đánh giặc, lấy lực lượng chính trị làm nòng cốt.

B. toàn dân đánh giặc, lấy lực lượng vũ trang làm nòng cốt.

C. kháng chiến toàn diện và tự lực cánh sinh.

D.kháng chiến trường kì và tự lực cánh sinh.

**MA TRẬN ĐỀ KHẢO SÁT THEO CẤU TRÚC NĂM 2023**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Chủ đề | Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng | VDC | Tổng |
|  **Lớp 11** |  |  |  |  | 4 |
| LSTG 1917-1945 |  | 2 |  |  |  |
| LSVN 1858-1914 | 2 |  |  |  |  |
|  **Lớp 12** |  |  |  |  |  |
|  LSTG 1945-2000 |  |  |  |  | 10 |
| Trật tự Ianta và LHQ | 1 | 1 |  |  |  |
| Liên Xô- LBN | 1 |  |  |  |
| Các nước Á-Phi-Mĩlatinh | 2 |  |  |  |
| Mĩ-Tây Âu- Nhật Bản | 2 | 1 |  |  |  |
| Quan hệ Quốc tế | 1 |  |  |  |
| CMKHCN và xu thế TCH | 1 |  |  |  |
|  LSVN (1919-2000) |  |  |  |  | 26 |
| Việt Nam 1919-1930 | 2 | 1 | 2 | 1 | 6 |
| Việt Nam 1930-1945 | 2 | 1 | 2 | 1 | 6 |
| Việt Nam 1945-1954 | 3 | 1 | 1 | 1 | 6 |
| Việt Nam 1954-1975 | 4 | 1 | 1 | 1 | 7 |
| Việt Nam 1975-2000 | 1 |  |  |  | 1 |
|  TỔNG  | 22 | 8 | 6 | 4 | 40 |
| Điểm | 5,5 | 2 | 1,5 | 1 | 10 |

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1.B | 2.C | 3.A | 4.C | 5.A | 6.A | 7.C | 8.B | 9.A | 10.C |
| 11.A | 12.A | 13.B | 14.D | 15.A | 16.A | 17.A | 18.A | 19.A | 20.C |
| 21.B | 22.D | 23.B | 24.B | 25.A | 26.D | 27.B | 28.D | 29.C | 30.B |
| 31.D | 32.B | 33.A | 34.A | 35.B | 36.B | 37.B | 38.C | 39.A | 40.B |